TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày 17 tháng 04 năm 2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Xuân Trường

2, Ông Nguyễn Ngọc Trứ

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Chi- Thư ký Tòa án TAND huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Bà Dương Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/04/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên toà xét xử sơ thẩm canh khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-DS ngày 13/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/QĐST-DS ngày 25/03/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B- Sinh năm 1953 (Có mặt)

Cư trú: thôn Tân Sơn, xã Hùng S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Hoàng Văn C- Sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt)

Chị Phạm Thị Ng- Sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú đều ở: thôn Hòa Tiến, xã Hùng S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Th- Sinh năm 1963 (Có mặt)

Cư trú: thôn Trung Thành, xã Hùng S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Văn V- Sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: thôn Tân Sơn, xã Hùng S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 12/7/2024 (Tòa án đóng dấu tiếp nhận ngày 16/10/2024), bản tự khai,Biên bản ghi lời khai; biên bản tiếp cận công khai, chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa ông B trình bày:*

Ông và anh Hoàng Văn C, chị Phạm Thị Ng có mối quan hệ quen biết nhau. Vợ chồng anh Cừ, chị Nguyệt kinh doanh gạch, vật liệu xây dựng, do thiếu vốn có đến gia đình ông hỏi vay tiền nhiều lần; Cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 29/4/2021 ông cho anh Hoàng Văn C, chị Phạm Thị Ng vay hai lần tổng số tiền là 900.000.000 đồng. Có giấy biên nhận vay tiền, do anh Cừ

viết và vợ chồng anh Cừ, chị Nguyệt ký nhận. Thời hạn vay 10 ngày trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi xuất.

Lần thứ hai: Ngày 29/02/2022 ông cho anh Hoàng Văn C vay số tiền là 100.000.000 đồng, Có giấy biên nhận vay tiền, do anh Cừ viết và ký nhận. Thời hạn vay là một tháng, trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi xuất.

Lần thứ ba: Ngày 15/04/2022 Ông cho anh Hoàng Văn C vay số tiền là 270.000.000 đồng. Có giấy biên nhận vay tiền, do anh Cừ viết và ký nhận. Thời hạn vay là 10 ngày, trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi xuất.

Lần thứ Tư: Ngày 05/05/2022 ông cho anh Hoàng Văn C vay số tiền là 330.000.000 đồng. Có giấy biên nhận vay tiền, do anh Cừ viết và ký nhận. Thời hạn vay 10 ngày trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi xuất.

Lần thứ năm: Ngày 07/12/2022 ông cho anh Hoàng Văn C vay số tiền là 360.000.000 đồng. Có giấy biên nhận vay tiền, do anh Cừ viết và vợ chồng anh Cừ, chị Nguyệt ký nhận. Thời hạn vay 10 ngày trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi xuất.

Lần thứ năm: Ngày 21/12/2022 ông cho vợ chồng anh Hoàng Văn C vay số tiền là 2.200.000.000 đồng. Có giấy biên nhận vay tiền, do anh Cừ viết và vợ chồng anh Cừ, chị Nguyệt ký nhận. Thời hạn vay 10 ngày trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi xuất. Khoản vay nay anh Cừ và chị Nguyệt vay để đáo hạn ngân hàng.

Tổng số tiền vợ chồng anh Cừ, chị Nguyệt vay là 4.160.000.000 đồng (Bốn tỷ, một trăm sáu mươi triệu đồng).

Tất cả các lần vay giữa ông và anh Cừ, chị Nguyện có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 1%/ 01 tháng.

Ông xác định toàn bộ số tiền anh cho vợ chồng anh Cừ, chị Nguyệt vay là tiền của ông, anh Nguyễn Văn V con ông không liên quan gì đến số tiền trên; Lý do trong giấy vay tiền có ghi " Vay tiền của ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Văn V" là vì anh Vĩnh là con ông, do ông tuổi cao, sợ có gì bất chắc thì con đẻ ông là anh Vĩnh sẽ là người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, vợ chồng anh Cừ có viết giấy thế chấp một xưởng tôn và có giao cho ông một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Th để làm tin.

Ông có đến gia đình anh Cừ, chị Nguyệt đòi tiền nhiều lần, nhưng anh Cừ và chị Nguyệt khất không trả.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng anh Hoàng Văn C và chị Phạm Thị Ng phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn nợ là 4.160.000.000 đồng.

Ông yêu cầu anh Cừ và chị Nguyệt phải trả ông số tiền lãi là 10%/ năm tính từ ngày 21/12/2022 (Âm lịch) tức ngày 12/01/2023 dương lịch cho đến ngày xét xử tính tròn là 15 tháng = 520.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ gốc.

Tổng số tiền ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng anh Cừ, chị Nguyệt phải trả là 4.680.000.000 đồng.

Ông yêu cầu vợ chồng anh Cừ, chị Nguyệt phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 17/4/2024 cho đến khi thành toán xong toàn bộ số nợ.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Thiết, anh Thiết và anh Cừ có yêu cầu trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì ông đồng ý trả, khi anh Cừ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Tại phiên tòa; Ông xác định chỉ yêu cầu vợ chồng anh Cừ và chị Nguyệt phải trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử tính tròn là 15 tháng; lãi xuất là 10%/ năm. Ông không yêu cầu tính lãi tiếp sau ngày xét xử.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn Th: ông đồng ý trả giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của anh Thiết.

Bị đơn anh Hoàng Văn C tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai trình bày:

Anh và ông Nguyễn Văn B có quan hệ quen biết. Anh kinh doanh vật liệu xây dựng, do cần vốn để làm ăn nên vợ chồng anh có vay tiền của gia đình ông Nguyễn Văn B nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 18/5/2021 Vợ chồng anh vay số tiền là 880.000.000 đồng và cùng ngày vay thêm 20.000.000 đồng, có làm giấy biên nhận vay tiền, chữ ký của người vay tiền là chữ ký của vợ chồng anh.

Ngày 29/02/2022 Vợ chồng anh tiếp tục vay số tiền là 100.000.000 đồng có làm giấy biên nhận vay tiền, chữ ký của người vay tiền là chữ ký của anh. Vợ anh không ký. Số tiền này vay để kinh doanh vật liệu xây dựng, vợ chồng anh đều biết về khoản vay này.

Ngày 15/4/2022 Vợ chồng anh tiếp tục vay số tiền là 270.000.000 đồng có làm giấy biên nhận vay tiền, chữ ký của người vay tiền là chữ ký của anh. Vợ anh ký. Số tiền này vay để kinh doanh vật liệu xây dựng, vợ chồng anh đều biết về khoản vay này.

Ngày 05/5/2022 Vợ chồng anh tiếp tục vay số tiền là 330.000.000 đồng có làm giấy biên nhận vay tiền, chữ ký của người vay tiền là chữ ký của anh; Nội dung giấy vay tiền do anh là người viết. Vợ anh không ký. Số tiền này vay để kinh doanh vật liệu xây dựng, vợ chồng anh đều biết về khoản vay này.

Ngày 21/12/2022 Vợ chồng anh vay số tiền là 2.200.000.000 đồng có làm giấy biên nhận vay tiền, chữ ký của người vay tiền là chữ ký của vợ chồng anh; Nội dung giấy vay tiền do anh là người viết. Số tiền này vay để đảo sổ ngân hàng.

Đối với khoản vay ngày 07/12/2022 thì vợ chồng anh không vay, mà số tiền 360.000.000 đồng trong giấy biên nhận vay tiền thực chất là tiền lãi, do vợ chồng anh chưa trả lãi được nên ông B yêu cầu viết giấy biên nhận, việc này hai bên thỏa thuận miệng với nhau, anh không có giấy tờ gì chứng minh, không có ai chứng kiến việc thỏa thuận.

Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 07/12/2022 do anh là người viết, chữ ký người vay tiền là chữ ký của vợ chồng anh.

Tổng số tiền vợ chồng anh vay, còn nợ ông Nguyễn Văn B là 3.800.000 đồng (Ba tỷ tám trăm triệu đồng).

Số tiền gốc anh nợ đến nay chưa thanh toán trả cho ông B được đồng nào.

ông B có đến gia đình anh đòi nhiều lần, nhưng do khó khăn, nên chưa trả được. Hiện nay còn nợ là 3.800.000 đồng (Ba tỷ tám trăm triệu đồng). Quan điểm của anh đồng ý trả số tiền nợ gốc là 3.800.000 đồng (Ba tỷ tám trăm triệu đồng) nhưng xin được trả dần. Phương án trả nợ như sau:

Trong năm 2024 vợ chồng anh có trách nhiệm trả cho ông B 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng);

Trong năm 2025 vợ chồng anh có trách nhiệm trả cho ông B 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng);

Trong năm 2026 vợ chồng anh có trách nhiệm trả cho ông B số tiền còn lại.

Về tiền lãi: Anh đã trả cho ông B được 1.808.250.000 đồng, trả đến hết ngày 07/12/2022, anh không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh

Ông B tại đơn khởi kiện có yêu cầu vợ chồng anh trả lãi, quan điểm của anh, do hiện nay gia đình kinh doanh khó khăn, nên đề nghị ông B cho vợ chồng anh xin tiền lãi.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Th khi vay tiền tại nhà ông B Ngày 21/12/2022 Vợ chồng anh vay số tiền là 2.200.000.000 đồng, vợ chồng có gửi lại sổ đỏ để làm tin, đảm bảo cho khoản vay này. Hiện nay sổ đỏ trên ông B đang giữ, anh đề nghị ông B trả lại cho anh để anh trả lại cho anh Thiết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/4/2024 anh Cừ xác định không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền 360.000.000 đồng là khoản tiền lãi và đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông B.

Do điều kiện công việc anh có đơn đề nghị Tòa án cho anh xin được vắng mặt khi xét xử.

Bị đơn chị Phạm Thị Ng tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai trình bày:

Chị là vợ của anh Hoàng Văn C.

Vợ chồng chị và ông Nguyễn Văn B có quan hệ quen biết. Vợ chồng chị kinh doanh vật liệu xây dựng, do cần vốn để làm ăn nên vợ chồng chị có vay tiền của gia đình ông Nguyễn Văn B nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 18/5/2021 Vợ chồng chị vay số tiền là 880.000.000 đồng và cùng ngày vay thêm 20.000.000 đồng, có làm giấy biên nhận vay tiền, chữ ký của người vay tiền là chữ ký của vợ chồng chị.

Ngày 29/02/2022 Vợ chồng chị tiếp tục vay số tiền là 100.000.000 đồng có làm giấy biên nhận vay tiền, chữ ký của người vay tiền là chữ ký của anh Cừ chồng chị. Số tiền này vay để kinh doanh vật liệu xây dựng, chị biết về khoản vay này.

Ngày 15/4/2022 Vợ chồng chị tiếp tục vay số tiền là 270.000.000 đồng có làm giấy biên nhận vay tiền, chữ ký của người vay tiền là chữ ký của anh Cừ chồng chị. Số tiền này vay để kinh doanh vật liệu xây dựng, chị biết về khoản vay này.

Ngày 05/5/2022 Vợ chồng chị tiếp tục vay số tiền là 330.000.000 đồng có làm giấy biên nhận vay tiền, chữ ký của người vay tiền là chữ ký của anh Cừ chồng chị; Nội dung giấy vay tiền do anh Cừ là người viết. Số tiền này vay để kinh doanh vật liệu xây dựng, chị biết về khoản vay này.

Ngày 21/12/2022 Vợ chồng chị vay số tiền là 2.200.000.000 đồng có làm giấy biên nhận vay tiền, chữ ký của người vay tiền là chữ ký của vợ chồng chị; Nội dung giấy vay tiền do anh Cừ là người viết. Số tiền này vay để đảo sổ ngân hàng.

Đối với khoản vay ngày 07/12/2022 thì vợ chồng chị không vay, mà số tiền 360.000.000 đồng trong giấy biên nhận vay tiền thực chất là tiền lãi, Giấy biên nhận vay tiền do anh Cừ là người viết, chữ ký người vay tiền là chữ ký của vợ chồng, chị không có giấy tờ gì chứng minh, không có ai chứng kiến cho ý kiến trình bày của mình.

Tổng số tiền vợ chồng chị vay, còn nợ ông Nguyễn Văn B là 3.800.000 đồng (Ba tỷ tám trăm triệu đồng).

Số tiền gốc vợ chồng chị nợ đến nay chưa thanh toán trả cho ông B được đồng nào, ông B có đến gia đình chị đòi nhiều lần, nhưng do khó khăn, nên chưa trả được. Hiện nay còn nợ là 3.800.000 đồng (Ba tỷ tám trăm triệu đồng). Quan điểm của chị đồng ý trả số tiền nợ gốc là 3.800.000 đồng (Ba tỷ tám trăm triệu đồng) nhưng xin được trả dần. Phương án trả nợ như sau:

Trong năm 2024 vợ chồng chị có trách nhiệm trả cho ông B 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng);

Trong năm 2025 vợ chồng chị có trách nhiệm trả cho ông B 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng);

Trong năm 2026 vợ chồng chị có trách nhiệm trả cho ông B số tiền còn lại.

Về tiền lãi: Vợ chồng đã trả cho ông B được 1.808.250.000 đồng, trả đến hết ngày 07/12/2022, chị không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Ông B tại đơn khởi kiện có yêu cầu vợ chồng chị trả lãi, quan điểm của chị, do hiện nay gia đình kinh doanh khó khăn, nên đề nghị ông B cho vợ chồng chị xin tiền lãi.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Th khi vay tiền tại nhà ông B. Ngày 21/12/2022 Vợ chồng chị vay số tiền là 2.200.000.000 đồng, vợ chồng có gửi lại sổ đỏ để làm tin, đảm bảo cho khoản vay này. Hiện nay sổ đỏ trên ông B đang giữ, chị đề nghị ông B trả lại cho vợ chồng để trả lại cho anh Thiết.

Do điều kiện công việc chị có đơn đề nghị Tòa án cho chị xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn V tại biên bản ghi lời khai ngày 20/12/2023; Ngày 20/01/2024 trình bày:

Anh là con đẻ của ông Nguyễn Văn B

Vợ chồng anh Hoàng Văn C, chị Phạm Thị Ng có vay của ông Nguyễn Văn B là bố anh tổng số tiền 4.160.000.000 đồng. Mã vay ngày 21/12/2022 với số tiền 2.200.000.000 đồng là do bố anh bảo anh chuyển khoản cho anh Cừ nhưng là tiền của bố anh. Tất cả các giấy vay nợ đều ghi anh Cừ, chị Nguyệt vay của ông Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn V là vì ông B là bố anh tuổi đã cao ghi như vậy để đề phòng bất chắc anh sẽ là người kế thừa quyền lợi. Thực tế tiền cho vay là của ông B, anh không liên quan. Anh đề nghị anh Cừ chị Nguyệt trả tiền gốc và lãi cho bố anh.

Do điều kiện công việc anh đề nghị cho anh xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Th tại biên bản ghi lời khai ngày 20/12/2023 và tại phiên tòa anh Thiết trình bày:

Anh và anh Hoàng Văn C có quan hệ là anh em rể. Năm 2022 anh Cừ, chị Nguyệt có mượn của anh Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất số DE 404019 thửa đất số 383, tờ bản đồ số 9 có diện tích 996,3m2 tại thôn Trung Thành, xã Hùng S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mang tên hộ anh Nguyễn Văn Th. Anh Cừ mượn Giấy chứng nhận QSD Đất trên làm gì anh không biết, anh không biết ông B là ai. Anh không vay tiền ông B, không liên quan gì đến ông B. Nay anh đề nghị anh Cừ, ông B phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh.

Tại phiên tòa anh xác định anh Cừ, chị Nguyệt mượn để vay vốn ở Ngân hàng, nay anh yêu cầu ông B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật HNGĐ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

Buộc anh Hoàng Văn C, chị Phạm Thị Ng phải có nghĩa vụ trả cho anh NguyễnVăn B tổng số tiền 4.680.000.000 đồng.Trong đó (tiền gốc 4.160.000.000 đồng; lãi 520.000.000 đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho anh Nguyễn Văn Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất số DE 404019 thửa đất số 383, tờ bản đồ số 9 có diện tích 996,3m2 tại thôn Trung Thành, xã Hùng S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mang tên hộ anh Nguyễn Văn Th.

Về án phí: Anh Hoàng Văn C và chị Phạm Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị đơn chị anh Cừ và chị Nguyệt có có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vĩnh có có đơn xin vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện, được Tòa án chấp nhận.Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên, là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[**2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

[2.1]- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông B yêu cầu vợ chồng anh Cừ và chị Nguyệt trả số tiền gốc 4.160.000 đồng và tiền lãi là 10%/năm, kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Các bên có giao kết bằng văn bản (Giấy biên nhận), ghi rõ số lượng tiền vay, nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463- Bộ luật dân sự). Khi có tranh chấp, nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết, xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2.2]- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện: Không có ai có ý kiến gì về thời hiệu

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi số tiền gốc 4.160.000.000 đồng và tiền lãi là 10%/năm kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

HĐXX nhận thấy:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Theo các Giấy vay tiền mà nguyên đơn ông B cung cấp, thì vợ chồng anh Cừ và chị Nguyệt có vay tiền của ông B là có thất cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 29/4/2021 ông cho anh Cừ và bà Nguyệt vay hai lần tổng số tiền là 900.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 29/02/2022 ông cho anh Hoàng Văn C vay số tiền là 100.000.000 đồng, Có giấy biên nhận vay tiền, do anh Cừ viết và ký nhận. Thời hạn vay là một tháng, trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi xuất.

Lần thứ ba: Ngày 15/04/2022 ông cho anh Hoàng Văn C vay số tiền là 270.000.000 đồng. Có giấy biên nhận vay tiền, do anh Cừ viết và ký nhận. Thời hạn vay là 10 ngày, trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi xuất.

Lần thứ tư: Ngày 05/05/2022 Ôngcho anh Hoàng Văn C vay số tiền là 330.000.000 đồng. Có giấy biên nhận vay tiền, do anh Cừ viết và ký nhận. Thời hạn vay 10 ngày trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi xuất.

Lần thứ năm: Ngày 07/12/2022 Ông cho anh Hoàng Văn C vay số tiền là 360.000.000 đồng. Có giấy biên nhận vay tiền, do anh Cừ viết và vợ chồng anh Cừ, chị Nguyệt ký nhận. Thời hạn vay 10 ngày trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi xuất.

Lần thứ sáu: Ngày 21/12/2022 ôngcho vợ chồng anh Hoàng Văn C vay số tiền là 2.200.000.000 đồng. Có giấy biên nhận vay tiền, do anh Cừ viết và vợ chồng anh Cừ, chị Nguyệt ký nhận. Thời hạn vay 10 ngày trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi xuất.

Tổng số tiền vợ chồng anh Cừ vay là 4.160.000.000 đồng (Bốn tỷ, một trăm sáu mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án anh Cừ và chị Nguyệt tại các bản tự khai; Biên bản ghi lời khai, anh Cừ và chị Nguyệt đều xác nhận chữ ký trong các giấy vay tiền mà ông B cung cấp chính là chữ ký của anh Cừ và chị Nguyệt, nội dung giấy biên nhận vay tiền là do chính anh Cừ là người viết. Tuy nhiên anh Cừ, chị Nguyệt chỉ thừa nhận số tiền thực tế vay là 3.800.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ trên theo phương án trả nợ từ năm 2024 đến năm 2026 sẽ trả hết số tiền nợ.

Đối với mã vay số tiền 360.000.000 đồng ngày 07/12/2022 theo anh Cừ, chị Nguyệt trình bày không phải là tiền vay mà là tiền lãi của các lần vay. Anh Cừ, chị Nguyệt không đồng ý trả số tiền này, nguyên đơn ông B không đồng ý và xác định đây là tiền vay mà vợ chồng anh Cừ, chị Nguyệt vay để bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng. HĐXX nhận thấy.

Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 07/12/2022 có ghi rõ số tiền vay là 360.000.000 đồng; Nội dung giấy vay tiền cả anh Cừ và chị Nguyệt đều xác nhận là là do chính anh Cừ viết, thỏa thuận trả là 10 ngày, bên vay cả anh Cừ và chị Nguyệt ký, nội dung giấy vay tiền không bị tẩy xóa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần giải thích về các quyền và nghĩa vụ cho anh Cừ và chị Nguyệt, yêu cầu anh Cừ và chị Nguyệt cung cấp các tài liệu chứng cứ, chứng minh, nhưng anh Cừ và chị Nguyệt không cung cấp cho Tòa án.

Ngày 13/3/2024, Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 10/QĐ-CCTLCC nhưng đến nay anh Cừ, chị Nguyệt vẫn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho ý kiến trình bày của mình.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Cừ ngày 15/4/2024 anh Cừ xác định không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến trình bày của mình.

Nên ý kiến trình bày của anh Cừ, chị Nguyệt cho rằng số tiền 360.000.000 đồng là tiền lãi không phải khoản vay là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với anh Nguyễn Văn V, xác định là tiền của ông B. Anh xác định toàn bộ số tiền 4.160.000.000 đồng là tiền của ông B bố anh cho vợ chồng anh Cừ vay và là tài sản riêng của ông B, anh không liên quan. Do đó có căn cứ để xác định đây là khoản tiền riêng của ông B cho vợ chồng anh Cừ và chị Nguyệt vay.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất số DE 404019 thửa đất số 383, tờ bản đồ số 9 có diện tích 996,3m2 tại thôn Trung Thành, xã Hùng S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mang tên hộ anh Nguyễn Văn Th. Anh Cừ mượn của anh Thiết sau đó gửi ông B để đảm bảo cho khoản vay 2.200.000.000 đồng anh Thiết không biết việc này. Mặt khác các bên không có việc đăng ký thế chấp làm tài sản đảm bảo cho khoản vay. Do vậy, xác định anh Cừ tự ý đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Thiết cho ông B, anh Thiết yêu cầu ông B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại Phiên tòa ông B đồng ý với yêu cầu của anh Thiết, nên cần buộc anh B phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh Thiết.

Về lãi suất: Các giấy vay tiền đều không thể hiện lãi suất vay là bao nhiêu. Tuy nhiên anh Cừ, chị Nguyệt trình bày có việc trả lãi từ khi vay đến ngày 07/12/2022 là 1.448.250.000 đồng anh Cừ, chị Nguyệt không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ

chứng minh được số tiền lãi đã trả, Ông B xác định các khoản vay anh Cừ, chị Nguyệt vay lãi suất thỏa thuận miệng là 1% trên tháng, ông B không thừa nhận số tiền lãi như anh Cừ và chị Nguyệt đã trình bày ở trên. Do đó ông B yêu cầu tính lãi 10%/năm tính từ ngày 21/12/2022 (Âm lịch) tức ngày 12/01/2023 dương lịch cho đến ngày xét xử tính tròn là 15 tháng = 520.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Như vậy tổng số tiền nợ cả gốc và lãi vợ chồng anh Cừ phải trả cho ông B là: 4.680.000.000 đồng (Trong đó tiền gốc 4.160.000.000 đồng; lãi 520.000.000 đồng).

[6]- Về án phí:

- Anh Hoàng Văn C và chị Phạm Thị Ng phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của ông B được chấp nhận, nên ông B không phải chịu tiền án phí.

[7]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357; Điều 468; Điều 469; Điều 288 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Buộc anh Hoàng Văn C, chị Phạm Thị Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn B tổng số tiền 4.680.000.000đồng (Bốn tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng) Trong đó (tiền nợ gốc 4.160.000.000 đồng; lãi 520.000.000 đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho anh Nguyễn Văn Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất số DE 404019 thửa đất số 383, tờ bản đồ số 9 có diện tích 996,3m2 tại thôn Trung Thành, xã Hùng S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mang tên hộ anh Nguyễn Văn Th.

2.Về án phí: Anh Cừ, chị Nguyệt phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 112.680.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ, hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án phải chịu lãi suất đối

với số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDT. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Thanh Thuần